TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1096/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 873/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Đặng Lê T, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trương Thị Thu T1, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/5/2026 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44/2012, Quyển số 01/2011, do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 10/5/2012 thì quan hệ hôn nhân của ông T và bà T1 là tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông T và bà T1 không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét quan hệ hôn nhân của ông T và bà T1 không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông T và bà T1 xác định trong quá trình chung sống ông bà có 04 con chung là Trương Yến N, sinh ngày 21/5/2003; Đặng Tâm N1, sinh ngày 27/4/2005; Đặng Thị Thủy T2, sinh ngày 29/6/2008 và Đặng Lộc P, sinh ngày 20/10/2015.

Con chung Đặng Tâm N1 đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

Hai bên thỏa thuận giao trẻ Đặng Thị Thủy T2, sinh ngày 29/6/2008 và trẻ Đặng Lộc P, sinh ngày 20/10/2015 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T1 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức, không trái quy định pháp luật do đó có cơ sở chấp nhận.

Đối với con chung Trương Yến N, sinh ngày 21/5/2003, ông T và bà T1 xác định tại thời điểm làm thủ tục khai sinh, ông T và bà T1 chưa đăng ký kết hôn nên không ghi nhận thông tin về người cha trong giấy khai sinh của con chung Trương Yến N, tuy nhiên hiện tại con chung Trương Yến N đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu xác định cha, con thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí: Ông T và bà T1 chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Lê T và bà Trương Thị Thu T1 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44/2012, Quyển số 01/2011, do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 10/5/2012 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao trẻ Đặng Thị Thủy T2, sinh ngày 29/6/2008 và trẻ Đặng Lộc P, sinh ngày 20/10/2015 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của ông T và bà T1 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Đặng Lê T và bà Trương Thị Thu T1 chịu toàn bộ, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông T, bà T1 đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu 0022799 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk. Trang)./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Hiếu